TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25-3-2025
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Chung**.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông **Nguyễn Dũng Nhân**;
Ông **Nguyễn Văn Thượng**.
- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Lưu Sử Ngọc Quân**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Ông **Lê Đại Phụng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 476/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2024 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Nguyệt T, sinh năm 1995; địa chỉ: Số B, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
- Bị đơn: Anh Huỳnh Công T1, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ C, ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 31/10/2024 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nguyệt T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh T1 chung sống với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi vã do bất đồng quan điểm, anh T1 đam mê cờ bạc, không lo lắng cho gia đình, đã ly thân từ khoảng 02 năm nay không đoàn tụ được. Gia đình hai bên đều biết sự việc, có khuyên can nhưng anh chị không hàn gắn được. Nay chị thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên yêu cầu ly hôn.
- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Huỳnh Hải Đ, sinh ngày 06/6/2013. Nay chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Huỳnh Công T1 vắng mặt nên không có lời trình bày.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xét xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Nguyệt T đối với anh Huỳnh Công T1.

+ Về con chung: Giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

+ Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị T là Nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh T1 vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh T1.

[2] Về hôn nhân:

[2.1] Chị T khai nhận, chị và anh T1 chung sống với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn ngày 02/01/2013 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre là phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn chị cung cấp.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị T khai nhận quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi vã do bất đồng quan điểm, anh T1 đam mê cờ bạc, không lo lắng cho gia đình, đã ly thân từ khoảng 02 năm nay không đoàn tụ được. Gia đình hai bên đều biết sự việc, có khuyên can nhưng anh chị không hàn gắn được. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh T1. Anh T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa làm việc nên không có lời trình bày. Qua kết quả xác minh tại địa phương có đủ căn cứ xác định lời trình bày của chị T là có căn cứ. Do đó, đã có đủ cơ sở xác định anh chị không xây dựng được hạnh phúc gia đình, tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị T là

phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Huỳnh Hải Đ, sinh ngày 06/6/2013, đang sống với chị T. Nay chị T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ và quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Nguyệt T đối với anh Huỳnh Công T1. Chị Nguyễn Thị Nguyệt T được ly hôn với anh Huỳnh Công T1.

2- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Nguyệt T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Hải Đ, sinh ngày 06/6/2013; ghi nhận chị Nguyễn Thị Nguyệt T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh Huỳnh Công T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Nguyệt T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Nguyệt T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006857 ngày 31/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; chị Nguyễn Thị Nguyệt T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị T, anh T1 biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thành Chung

Nơi nhận:
-Đương sự;
-Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
-UBND xã;
-Lưu hồ sơ;
-Lưu tập án.